TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:129/2025/HNGĐ-ST Ngày 30 - 9 - 2025 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ,

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thuỷ, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1995, nơi cư trú: thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thảo T1, sinh năm 2000, nơi đăng ký thường trú: thành phố Hải Phòng, nơi ở: tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất trình bày: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Thảo T1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân xã Liên Khê nay là phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay anh T và chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung Trần Phạm Quỳnh Anh, sinh năm 2019. Ly hôn anh T và chị T1 đều

thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị T1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Trần Thị Thảo T1; giao con chung Trần Phạm Quỳnh Anh, sinh năm 2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Thảo T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã Liên Khê nay là phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có đăng ký thường trú tại phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa khẳng định: Trong quá trình chung sống anh T, chị T1 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Anh T và chị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Phạm Quỳnh Anh, sinh năm 2019. Anh T và chị T1 đều thống nhất giao con cho anh T nuôi dưỡng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn chị Trần Thị Thảo T1.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Phạm Quỳnh Anh, sinh năm 2019 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000823 ngày 08 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Thảo T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hànhán hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND cùng cấp;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND P.Lưu Kiếm (Giấy CNKH số 31/2019);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai